

Số: /BC-THCS&THPTNK

Đà Nẵng, ngày

tháng 10 năm 2025

BÁO CÁO

**Tình hình thực hiện tài chính năm 2025 và năm học 2024-2025
trình Hội nghị Viên chức - Người lao động năm học 2025-2026**

Căn cứ Quyết định số 1588/QĐ-SGDĐT ngày 27 tháng 12 năm 2024 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Đà Nẵng về phân bổ dự toán thu chi NSNN năm 2025 và các quyết định điều chỉnh, bổ sung dự toán trong năm 2025 cho nhà trường;

Nay nhà trường xin báo cáo tình hình thực hiện tài chính năm 2025 và năm học 2024-2025 trình Hội nghị Viên chức - Người lao động năm học 2025-2026 đến thời điểm ngày 30/9/2025 như sau:

Đơn vị tính: đồng

NGUỒN KINH PHÍ	NGÂN SÁCH	THU	GHI
NỘI DUNG	(Năm 2025)	PHÍ,	CHÚ
		LỆ	
		PHÍ	
I. SỐ THU/CẤP/ ĐƯỢC SỬ DỤNG	26.030.820.544	0	
Trong đó:			
- Nguồn thường xuyên	23.741.239.544		
- Nguồn không thường xuyên	1.144.581.000		
- Nguồn tiền thưởng NĐ 73	1.145.000.000		
II. SỐ CHI	18.339.476.968	0	
Nguồn thường xuyên	17.546.141.678		
1. Chi lương và các khoản phụ cấp	12.463.699.476		
2. Các khoản nộp BHXH, YT, TN	2.203.459.711		
3. Phúc lợi tập thể (lễ, tết, trợ cấp tổ văn phòng, đám hiếu, hỉ...)	308.610.200		
4. Tiền thưởng	50.220.000		
5. Chi thu nhập tăng thêm và hỗ trợ TNTT	750.000.000		
6. Thanh toán khác cho cá nhân	50.918.400		
7. Tiền điện, nước, vệ sinh, mạng Internet, điện thoại, báo	255.806.850		
8. Vật tư văn phòng, đồ dùng vệ sinh,	117.625.602		

mua công cụ dụng cụ			
9. Thông tin liên lạc, tuyên truyền	32.056.308		
10. Công tác phí , chế độ đi công tác theo quy định	123.104.800		
11. Chi phí thuê mướn, thuê lao động bảo vệ, phục vụ, vệ sinh	560.121.201		
12. Sửa chữa, duy tu tài sản	157.282.668		
13. Mua sắm tài sản phục vụ CM	19.945.786		
14. Chi nghiệp vụ chuyên môn ngành	361.555.738		
15. Phần mềm công nghệ thông tin	5.550.000		
16. Chi tiếp các đoàn kiểm tra	8.442.000		
17. Phụ cấp cấp ủy, Đại hội Chi bộ	63.519.938		
18. Chi khác	14.223.000		
Nguồn không thường xuyên	793.335.290		
1. Phụ cấp ưu đãi dạy HS khuyết tật	207.986.290		
2. Trợ cấp Tết Nguyên đán	229.770.000		
3. Hỗ trợ chi phí học tập cho Học sinh	24.860.000		
4. Tổ chức 2 kỳ thi lớp 10 và tốt nghiệp THPT	213.739.000		
5. Chi phí sửa chữa nhỏ	90.000.000		
6. Chi mua sắm tài sản công	26.980.000		
Nguồn tiền thưởng ND 73	0	0	
TỔN	7.691.343.576		
1. Nguồn thường xuyên	6.195.097.866		
2. Nguồn không thường xuyên	351.245.710		
3. Nguồn tiền thưởng ND 73	1.145.000.000		

NGUỒN KHÁC:

1. Nguồn BHYT trích chăm sóc sức khỏe ban đầu HS

- Số dư đầu năm 2025: 111.623.481 đồng.
- Tổng KP BHXH cấp về: 98.999.616 đồng.
- Tổng chi đến hết ngày 30/9/2025: 45.167.000 đồng. Bao gồm: tiền mua thuốc các phòng học, mua thiết bị phòng y tế, mua thuốc y tế, mua tủ đựng hồ sơ theo dõi sức khỏe, photo sổ theo dõi sức khỏe học sinh,...

- Tồn quỹ: 165.456.097 đồng.

2. Nguồn CSVN (Thu tiền điện, nước cho thuê Hội trường)

- Số dư đầu năm 2025: 11.750.929 đồng.
- Tổng thu tiền điện, nước: 9.000.000 đồng.

- Tổng chi đến hết ngày 30/9/2025: 0 đồng
- **Tồn quỹ: 20.750.929 đồng.**

3. Nguồn thu dịch vụ Căn tin

- Số dư đầu năm 2025: 49.692.990 đồng.
- Tổng thu tiền Căn tin: 131.775.000 đồng.
- Tổng chi tiền Căn tin đến hết ngày 30/9/2025: 69.919.184 đồng. Bao gồm chi nộp thuế đất phi nông nghiệp; thuế thuê mặt đất, mặt nước; thuế giá trị gia tăng; thuế thu nhập doanh nghiệp, sửa chữa bàn ghế học sinh.
- **Tồn quỹ: 111.548.806 đồng.** Trong đó: đã trích lập các quỹ:
 - + *Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp chi phí khấu hao thuê Tài sản: 81.458.216 đồng.*
 - + *Số còn lại chưa hết năm tài chính nên chưa xác định kết quả để trích lập quỹ.*

4. Tiền lãi tài khoản: (Tài khoản tại Kho bạc và tại ngân hàng)

- Số dư đầu năm 2025: 0 đồng.
- Tổng thu tiền lãi: 637.652 đồng.
- Tổng chi tiền phí chuyển tiền đến hết ngày 30/9/2025: 30.000 đồng.
- **Tồn quỹ: 607.652 đồng.**

Trên đây là Báo cáo tình hình thực hiện tài chính năm 2025 và năm học 2024-2025 trình Hội nghị Viên chức - Người lao động năm học 2025-2026./.

Nơi nhận:

- HT, PHT (để báo cáo);
- Công khai;
- Lưu: VT, VP_{KT}.

HIỆU TRƯỞNG

Trần Thị Kim Vân